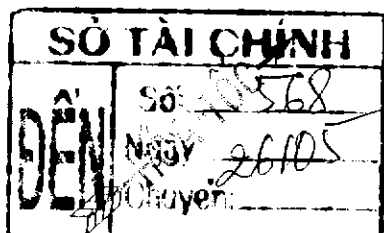


BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6889 /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

V/v xin ý kiến tham gia
về định mức phân bổ chi thường
xuyên NSNN năm 2017Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, dự toán ngân sách năm 2017 – năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách được xây dựng theo hệ thống định mức phân bổ ngân sách mới; căn cứ báo cáo đánh giá của các địa phương về hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo Quyết định số 59/2011/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ và đề xuất xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017, Bộ Tài chính dự thảo:

1. Báo cáo đánh giá hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 và xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đính kèm).

2. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 (đính kèm).

3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 (đính kèm).

Để có cơ sở trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017; Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước) trước ngày 31/5/2016 để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.455

**Huỳnh Quang Hải**

Handwritten scribble or signature

BÁO CÁO

Đánh giá hệ thống định mức chi thường xuyên NSNN năm 2011 và xây dựng hệ thống định mức chi thường xuyên NSNN năm 2017 – Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật NSNN đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 30/9/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 (sau đây gọi tắt là Quyết định 59). Qua thực tế thực hiện phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước theo Quyết định 59 đã đạt được những kết quả nhất định và có ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN năm 2017 cho các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện quy định của Luật NSNN năm 2015, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các bộ, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 59 và xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017. Quá trình triển khai và các nội dung chủ yếu của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, quá trình xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản:

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước (khoản 11 Điều 25 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, quy định Chính phủ xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và các địa phương), Quyết định số 1616/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 9645/VPCP-KTTH ngày 19/11/2015 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan liên quan soạn thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 7/1/2016 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017, trên cơ sở đó trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thực hiện.

Thực hiện các quy định nêu trên, Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017 làm căn cứ để xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Bộ, địa phương, tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên NSNN.

2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh của dự thảo Quyết định:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017 là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách) đối với các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương; đồng thời là cơ sở trình cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật NSNN.

b) Đối tượng áp dụng:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương);

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

3. Quá trình xây dựng dự thảo Quyết định:

Thực hiện Quyết định số 1616/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự thảo Quyết định gồm đại diện của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Đồng thời, để phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017, Bộ Tài chính đã có văn bản số 7421/BTC-NSNN, số 7457/BTC-NSNN ngày 5/6/2014 và văn bản số 18803/BTC-NSNN ngày 30/12/2015 đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 59 và đề xuất, kiến nghị xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017.

Trên cơ sở đánh giá của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 59 và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017.

II. Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 59 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Đánh giá chung kết quả đạt được:

- Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Quyết định 59 là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2011 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách); là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật NSNN năm 2002.

- Phân bổ ngân sách theo Quyết định 59 về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN, NSTW và ngân sách từng địa phương; thực hiện được các chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách Nhà nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của mỗi cấp chính quyền địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho các địa phương chủ động xây dựng và quyết định ngân sách của mình, khuyến khích các địa phương tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng.

- Tăng tính công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; định mức đã thể hiện sự ưu tiên đối với các vùng cao - hải đảo, miền núi và vùng đồng bào dân tộc có nhiều khó khăn, vùng sâu; đồng thời có cơ chế khuyến khích đối với các vùng kinh tế trọng điểm.

- Việc xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách đối với các địa phương cơ bản theo tiêu chí dân số (có chia ra 4 vùng) và các tiêu chí bổ sung được đánh giá là cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện và dễ kiểm tra, đảm bảo tính công bằng, hợp lý giữa các địa phương;

- Định mức phân bổ NSNN cơ bản theo tiêu chí dân số đã góp phần thúc đẩy tinh giản biên chế, đẩy mạnh xã hội hóa, cải cách thủ tục hành chính trong xây dựng, quản lý NSNN.

2. Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện Quyết định 59:

2.1 Kết quả đạt được:

- Tiêu chí phân bổ chi thường xuyên cho các địa phương cơ bản theo tiêu chí dân số (cơ cấu dân số, dân số trong độ tuổi đi học, tỷ lệ người nghèo,...) đã đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách do yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên của các địa phương cơ bản phụ thuộc chỉ tiêu dân số (dân số nhiều thì nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục, y tế,... càng lớn); đồng thời, tiêu chí phân bổ có hệ số ưu tiên đối với vùng cao - hải đảo, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc có nhiều khó khăn (như: nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục vùng cao hải đảo bằng 1,9 lần vùng đồng bằng; chi sự nghiệp đào tạo 1,9 lần; chi sự nghiệp y tế 1,83 lần; chi sự nghiệp văn hóa thông tin 1,95 lần; chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 1,95 lần; chi sự nghiệp đảm bảo xã hội 1,7 lần;...). Ngoài ra, còn có các tiêu chí bổ sung phân bổ ngân sách đối với từng lĩnh vực đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phù hợp với thực tế như:

+ Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục: thực hiện tiêu chí đảm bảo cơ cấu 80% chi cho lương, có tính chất lương; 20% chi hoạt động; thực hiện tiêu chí bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp y tế: thực hiện tiêu chí bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi; thực hiện tiêu chí bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho các đối tượng người cận nghèo, học sinh, sinh viên,...

+ Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể được phân bổ theo tiêu chí dân số phân theo vùng, đã tạo chủ động cho các đơn vị và thúc đẩy đơn vị sử dụng ngân sách hiệu quả thông qua việc sắp xếp lại biên chế để đảm bảo nhiệm vụ được giao. Đồng thời có tiêu chí bổ sung phân bổ ngân sách thêm cho ngân sách địa phương, tính theo số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có phân theo vùng (như: tỉnh có huyện vùng cao, miền núi, đồng bằng được bổ sung thêm tương ứng là 1.275, 1.125, 1.020 triệu đồng/năm/huyện; xã, phường được bổ sung thêm tương ứng là 555, 435, 315 triệu đồng/năm/xã), tạo điều kiện cho các địa phương địa bàn rộng, có nhiều đơn vị hành chính huyện, xã có thêm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn, ngoài ra còn thực hiện tiêu chí đảm bảo cơ cấu 70% chi cho lương, có tính chất lương; 30% chi hoạt động để đảm bảo nguồn chi hoạt động của các cơ quan.

+ Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, được hỗ trợ thêm kinh phí cho các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội thông tin lưu động; hỗ trợ kinh phí cho các vận động viên thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do Trung ương tổ chức.

+ Đối với lĩnh vực an ninh quốc phòng, các địa phương có biên giới đất liền, có huyện, xã đảo, định mức phân bổ hỗ trợ thêm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc phòng trên địa bàn; đồng thời thực hiện tiêu chí bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương có diễn tập phòng thủ khu vực được Quân khu giao.

+ Đối với định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, có định mức hỗ trợ thêm kinh phí để thực hiện các chính sách chế độ như: kinh phí trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ, kinh phí thực hiện chế độ, kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách (gia đình thương, bệnh binh, liệt sĩ, người có công,...).

+ Đối với các địa phương có dân số thấp, các địa phương đồng bằng sông Cửu Long có khó khăn và các địa phương vùng trọng điểm có điều tiết nguồn thu về ngân sách trung ương, định mức phân bổ đã quy định hệ số ưu tiên so với định mức chung để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2.2 Một số khó khăn, vướng mắc:

a) Đánh giá chung về khó khăn vướng mắc:

- Đối với các địa phương có dân số thấp, diện tích rộng, vị trí địa lý khó khăn (thường là các vùng miền núi, Tây nguyên, các vùng khó khăn), định mức phân bổ chi ngân sách của từng lĩnh vực mặc dù đã có hệ số cao hơn các vùng khác và đã có hệ số đối với các địa phương có dân số thấp, nhưng các địa phương này vẫn còn có nhiều khó khăn về nguồn ngân sách để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật NSNN năm 2002.

- Định mức cần chú trọng hơn yêu cầu thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội của vùng cũng như cả nước.

b) Đánh giá cụ thể những khó khăn vướng mắc của từng lĩnh vực chi:

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: Định mức phân bổ cần ưu tiên hơn đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng cao hải đảo; đồng thời đối với năm 2011, Quyết định 59 có tiêu chí phân bổ thêm cho các địa phương có xã, thôn thuộc Chương trình 135 mức 140.000 đ/người dân xã, thôn 135 trong độ tuổi đến trường để hỗ trợ học sinh có kinh phí mua sách giáo khoa, đồ dùng học tập; tuy nhiên hiện nay theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, học sinh mẫu giáo và phổ thông có cha mẹ thuộc hộ nghèo hoặc mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị khuyết tật, có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ 100.000 đ/tháng để mua sách vở, đồ dùng học tập.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo (bao gồm đào tạo nghề): Tiêu chí làm cơ sở phân bổ thêm kinh phí cho các địa phương có trường đại học do địa phương quản lý là để hỗ trợ địa phương thực hiện đào tạo học sinh của các địa phương khác; tuy nhiên, học sinh ngoài tỉnh đến đào tạo cũng phải đóng mức học phí như các học sinh của địa phương.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế: Cần tăng định mức đầu dân đối với chi sự nghiệp y tế ở các vùng để thực hiện Nghị quyết 18/2008/QH12 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật xã hội hóa để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đồng thời, việc hỗ trợ chi cho các bệnh viện của địa phương quản lý mang tính chất khu vực là để hỗ trợ cho địa phương thực hiện khám chữa bệnh cho người dân của các địa phương khác; tuy nhiên, người dân của các địa phương khác đến khám chữa bệnh cũng phải đóng mức viện phí như người dân của địa phương.

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: Mặc dù Quyết định 59 đã quy định tiêu chí bổ sung đảm bảo chi hoạt động tối thiểu 30% tổng chi quản lý hành chính, tuy nhiên vẫn có ý kiến định mức phân bổ theo quy định hiện hành còn khó khăn đối với địa phương có địa bàn rộng, dân số ít nhưng vẫn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về quản lý nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao: Để phù hợp với thực tế, cần tăng định mức đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đối với vùng cao - hải đảo, vùng miền núi - vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu; tăng định mức chi cho các đoàn nghệ thuật, đội thông tin lưu động, vận động viên cấp quốc gia; có tiêu chí hỗ trợ đối với các khu, điểm du lịch quốc gia.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Quyết định 59 quy định hỗ trợ các trạm phát lại ở các huyện miền núi 195 triệu đồng/huyện để có thêm kinh phí phủ sóng phát thanh, truyền hình vùng khó khăn. Tuy nhiên, theo Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 theo đó từ năm 2016 đến 2020 các địa phương sẽ chuyển đổi hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ số (khi đó không còn nhiệm vụ phát lại truyền hình).

- Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh: Quyết định 59 đã ưu tiên phân bổ thêm kinh phí đối với các xã biên giới, hải đảo; huyện đảo không có đơn vị hành chính xã, đối với các tỉnh tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,1 lần/xã biên giới để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới, một số địa phương có ý kiến mức hỗ trợ nêu trên chưa phù hợp với thực tế.

Thực hiện Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các địa phương tham gia diễn tập phải bố trí ngân sách địa phương để chi các công việc chuẩn bị huy động nhân lực, tàu thuyền, phương tiện dân sự, hỗ trợ ngày công lao động,...Tuy nhiên, Quyết định 59 chưa hỗ trợ các địa phương nội dung này.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ: Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ thực hiện chi theo các đề tài nghiên cứu khoa học, chủ yếu tại các địa phương là trung tâm khoa học - công nghệ của vùng và cả nước nên việc phân bổ chi khoa học công nghệ theo Quyết định 59 theo tốc độ tăng chi chung là chưa phù hợp.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế: Định mức phân bổ được tính theo tỷ lệ 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nêu trên, đồng thời các địa phương được bổ sung thêm một phần kinh phí đối với đô thị loại I, II, III, IV, đối với 02 đô thị đặc biệt (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh) đã được phân bổ thêm định mức để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về giao thông đô thị. Tuy nhiên, một số địa phương có kiến nghị tăng mức chi cho lĩnh vực này cho phù hợp với thực tế và đề nghị bổ sung hỗ trợ đô thị loại V để phù hợp với phân loại đô thị theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Định mức phân bổ chi trợ giá, trợ cước: Quyết định 59 xây dựng định mức phân bổ chi trợ giá, trợ cước. Tuy nhiên, theo Luật NSNN năm 2015 không còn phân loại lĩnh vực chi trợ giá, trợ cước, việc trợ giá trợ cước sẽ thực hiện từng lĩnh vực chi tương ứng nên cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Định mức quy định hiện nay các địa phương không thể xác định cụ thể, phụ thuộc vào tổng mức chi sự nghiệp môi trường của 63 địa phương; mặt khác có ý kiến cần xem xét nâng mức chi đối với các địa bàn đặc thù, nhất là đối với đô thị đặc biệt (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) do nhu cầu xử lý môi trường lớn.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương: Quyết định 59 đã ưu tiên bổ sung kinh phí cho các xã biên giới, các tỉnh tiếp giáp với 2 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,1 lần/xã biên giới để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình chính trị ở một số địa phương nước bạn diễn biến phức tạp, nên các địa phương có ý kiến mức hỗ trợ nêu trên chưa phù hợp với thực tế.

- Ngoài việc nêu khó khăn, vướng mắc đối với từng lĩnh vực chi nêu trên; một số địa phương khó khăn (vùng đồng bằng sông Cửu Long) hoặc có dân số thấp có ý kiến để đảm bảo mặt bằng chung với các địa phương khác, cần ưu tiên tỷ lệ tăng hơn cho các địa phương này; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương đề nghị ưu tiên tỷ lệ tăng hơn so Quyết định 59 nhằm có nguồn lực để duy trì và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của Vùng cũng như của cả nước.

- Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: Quyết định 59 quy định đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, hàng năm Chính phủ trình Quốc hội hỗ trợ các địa phương này một phần kinh phí theo khả năng của ngân sách trung ương, tuy nhiên trong thời kỳ ổn định 2011-2016, do ngân sách khó khăn nên chỉ hỗ trợ tăng số bổ sung cân đối cho các địa phương trong dự toán ngân sách năm 2012.

III. Yêu cầu, nguyên tắc và các nội dung chính trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1.1 Yêu cầu:

- Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016 - 2020 của cả nước, cũng như từng địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo, dạy nghề; khoa học, công nghệ;...) và vùng cao - hải đảo, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người khó khăn.

- Phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2017 và cả giai đoạn 2017-2020.

- Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công; Đẩy nhanh tiến độ triển khai tự chủ của các cơ sở sự nghiệp công lập để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch; từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.2 Nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tăng tính công khai, minh bạch trong phương án phân bổ ngân sách từng địa phương.

- Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách do trung ương ban hành đến 31/5/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,...) và tiền lương theo mức tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

- Bảo đảm dự toán chi thường xuyên của từng địa phương khi thực hiện định mức phân bổ mới có mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2016 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

1.3 Căn cứ vào yêu cầu và nguyên tắc xây dựng định mức chi thường xuyên NSNN năm 2017: Đối với định mức chi thường xuyên của NSDP đề xuất 02 phương án xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên như sau:

- Phương án 1:

Kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN theo Quyết định 59: Xây dựng định mức phân bổ cho từng lĩnh vực chi cụ thể, tiếp tục phân 4 vùng (đô thị; đồng bằng; vùng miền núi, đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu; vùng cao-hải đảo) và lấy tiêu chí dân số là tiêu chí chính; sửa đổi, bổ sung định mức các tiêu chí bổ sung đối với từng lĩnh vực chi ngân sách để phù hợp với thực tế và đảm bảo tính đặc thù đối với từng vùng, từng địa phương.

- Phương án 2:

Thực hiện các yêu cầu nội dung chủ yếu như phương án 1.

Xây dựng một định mức theo đầu dân cho tất cả các lĩnh vực chi có định mức theo đầu dân của phương án 1, phân thành 4 vùng (đô thị; đồng bằng; vùng miền núi, đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu; vùng cao-hải đảo); thực hiện các tiêu chí bổ sung tương tự như phương án 1; bổ sung thêm tiêu chí dân số xã 135 để các địa phương có thêm nguồn thực hiện các chính sách đặc thù (như: các chế độ phụ cấp đối với giáo dục, y tế,...); xác định nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách do trung ương ban hành chưa nằm trong định mức đầu dân số. Đồng thời, đối với 02 lĩnh vực chi Quốc hội quyết định (sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Khoa học và Công nghệ), quy định có mức tăng tối thiểu bằng tốc độ tăng chi thường xuyên 2017 so với dự toán năm 2016.

2. Kết cấu và các nội dung của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định việc ban hành và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quyết định.

Dự thảo quy định kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 bao gồm các nội dung sau:

Mục I: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương:

Mục II: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo 02 phương án:

- ***Phương án 1:*** Quy định định mức phân bổ chi sự nghiệp đối với từng lĩnh vực (giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, quản lý hành chính, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ, kinh tế, môi trường, chi thường xuyên khác); nguyên tắc phân bổ dự phòng ngân sách và mức phân bổ thêm kinh phí đối với những địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp, các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương; cơ chế hỗ trợ đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách để các địa phương này bớt khó khăn,..quy định về tổ chức thực hiện.

- ***Phương án 2:*** Quy định một định mức phân bổ chi thường xuyên theo tiêu chí dân số, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung và xác định nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách trung ương ban hành đến 31/5/2016 chưa nằm trong định mức đầu dân số; nguyên tắc phân bổ dự phòng ngân sách, quy định về tổ chức thực hiện.

Mục III: Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách: Quy định các tiêu chí, căn cứ xác định các chỉ tiêu (dân số, số người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo, người đã hiến bộ phận cơ thể người;...) để làm cơ sở xác định dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017.

3. Định mức phân bổ chi thường xuyên của ngân sách nhà nước năm 2017 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

3.1 Phương án 1:

Tiếp tục kế thừa Quyết định 59, đồng thời thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

- Đảm bảo nguồn thực hiện tiền lương 1.210.000 đ/tháng và đảm bảo các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến 31/5/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,...).

- Nâng định mức phân bổ theo tiêu chí dân số tăng 70% so với Quyết định 59, đồng thời ưu tiên vùng cao, hải đảo và vùng miền núi cao hơn Quyết định 59 đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế.

- Sửa đổi, bổ sung các tiêu chí phụ hoặc bỏ các tiêu chí phụ của từng lĩnh vực cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó:

+ Đối với lĩnh vực chi giáo dục tiêu chí bổ sung quy định tỷ lệ chi khác (không bao gồm tiền lương và các khoản chi con người) đảm bảo tối thiểu 15% tổng chi giáo dục (Quyết định 59, tỷ lệ này là 20%), do: Từ năm 2011 đến nay Nhà nước đã ban hành nhiều chế độ tiền lương, phụ cấp. Giai đoạn 2011 – 2016, lương cơ bản tăng từ 730.000 đồng/tháng lên 1.210.000 đồng/tháng (tăng 65,7%), ban hành nhiều chế độ phụ cấp cho giáo viên (như phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi,...). Đồng thời, giai đoạn 2011-2016 thực hiện chủ trương cơ cấu lại chi NSNN, Chính phủ đã yêu cầu các địa phương tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên (riêng năm 2016 tiết kiệm tới 20% để thực hiện cải cách tiền lương).

+ Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính tiêu chí bổ sung quy định tỷ lệ chi khác (không bao gồm tiền lương và các khoản chi con người) đảm bảo tối thiểu 20% tổng chi quản lý hành chính (Quyết định 59, tỷ lệ này là 30%), do: Từ năm 2011 đến nay Nhà nước đã ban hành nhiều chế độ tiền lương, phụ cấp. Giai đoạn 2011 – 2016, lương cơ bản tăng từ 730.000 đồng/tháng lên 1.210.000 đồng/tháng (tăng 65,7%), phụ cấp công vụ tăng từ 0% lên 25%; phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể tăng từ 0% lên 30%. Đồng thời, giai đoạn 2011-2016 thực hiện chủ trương cơ cấu lại chi NSNN, Chính phủ đã yêu cầu các địa phương tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên (riêng năm 2016 tiết kiệm tới 20% để thực hiện cải cách tiền lương).

- Định mức chi thường xuyên chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định; các địa phương căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên này để xây

dùng định mức phân bổ chi thường xuyên của NSDP cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, các chế độ chính sách tính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách (2017-2020), các địa phương bảo đảm nguồn lực và chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách do Trung ương ban hành đảm bảo đúng đối tượng, thời gian quy định, NSTW sẽ điều chỉnh tăng, giảm số bổ sung cho NSDP theo quy định (nếu có) trong dự toán các năm sau.

Dự kiến mức chi đối với từng tiêu chí chính (dân số) và các tiêu chí bổ sung. Cụ thể như sau:

3.1.1 Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục gồm:

a- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trong độ tuổi đến trường (từ 18 tuổi trở xuống).

Để khắc phục các ý kiến về định mức chi sự nghiệp giáo dục cần ưu tiên đối với vùng cao - hải đảo, vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở đồng bằng, vùng sâu, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục theo dân số như sau:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị	1.241.680	0,85	2.110.900	0,85	1,70
Đồng bằng	1.460.800	1,0	2.483.400	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	1.986.880	1,36	3.476.800	1,40	1,75
Vùng cao-hải đảo	2.775.520	1,9	4.966.800	2,00	1,79

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59, đồng thời tăng mức chi để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo kinh phí thực hiện phụ cấp đặc thù đối với ngành giáo dục và kinh phí thực hiện tăng biên chế giáo viên theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tăng quy mô giáo dục; kinh phí thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập, kinh phí thực hiện chương trình đổi mới nội dung sách giáo khoa.

- Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,4; vùng cao hải đảo hệ số ưu tiên 2 so vùng đồng bằng để thực hiện chế độ chế độ học bổng học sinh dân tộc nội trú, bán trú, thực hiện các chế độ phụ cấp đối với giáo viên miền núi, vùng cao theo chế độ quy định, chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

b- Trên cơ sở định mức trên, nếu tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 15% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục sẽ được bổ sung tối thiểu 15%; đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp,

các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 85% (chưa kể nguồn thu học phí).

c- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi.
- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn.
- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học .

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn thuộc Chương trình 135 : Quyết định 59 quy định hỗ trợ 140.000 đồng/người dân xã thôn thuộc Chương trình 135 trong độ tuổi đến trường để hỗ trợ kinh phí mua sách giáo khoa, đồ dùng học tập, tuy nhiên hiện nay theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, trẻ em mẫu giáo và phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo hoặc mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị khuyết tật, có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ chi phí học tập 100.000 đ/tháng để mua sách vở, đồ dùng học tập vì vậy không quy định tiêu chí hỗ trợ người dân trong độ tuổi đến trường trên địa bàn các xã, thôn thuộc Chương trình 135.

3.1.2 Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề gồm:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề theo dân số (trừ dân số 18 tuổi trở xuống) như sau:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị.	53.340	0,9	90.700	0,90	1,70
Đồng bằng.	59.270	1,0	100.800	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu.	80.600	1,36	141.100	1,40	1,75
Vùng cao-hải đảo.	112.610	1,9	201.600	2,00	1,79

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59, đồng thời tăng mức chi để thực hiện các nhiệm vụ:

- Đảm bảo kinh phí thực hiện phụ cấp đặc thù ngành đào tạo; kinh phí thực hiện tăng quy mô, chất lượng và các loại hình đào tạo.

- Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,4; vùng cao-hải đảo hệ số ưu tiên 2 so vùng đồng bằng để tăng cường đào tạo và đào tạo nghề cho đồng bào miền núi, dân tộc, đào tạo cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn và tăng quy mô đào tạo, nhất là đào tạo giáo viên phục vụ sự nghiệp giáo dục trên địa bàn miền núi.

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trường đại học công lập do địa phương quản lý: Quyết định 59 quy định hỗ trợ 30% mức dự toán chi UBND cấp tỉnh đã giao cho trường để hỗ trợ đào tạo học sinh ngoài tỉnh, tuy nhiên hiện nay học sinh ngoài tỉnh đến đào tạo đều phải đóng mức học phí như các học sinh của địa phương vì vậy không quy định tiêu chí bổ sung đối với các trường đại học do địa phương quản lý.

3.1.3 Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị.	105.600	0,74	179.500	0,74	1,70
Đồng bằng.	142.700	1,0	242.600	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu.	186.940	1,31	327.500	1,35	1,75
Vùng cao-hải đảo.	261.140	1,83	460.900	1,90	1,76

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59, đồng thời tăng mức chi để thực hiện các nhiệm vụ:

- Đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đặc thù của ngành y tế; tăng kinh phí thực hiện Nghị quyết 18/2008/QH12 của Quốc hội đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng.

- Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,35; vùng cao-hải đảo hệ số ưu tiên 1,9 so vùng đồng bằng để thực hiện các chế độ khám chữa bệnh đối với vùng miền núi, vùng cao theo các chế độ, chính sách đã ban hành.

b) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi được xác định trên cơ sở đối tượng do Tổng cục Thống kê công bố; mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

c) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo được xác định trên cơ sở số người nghèo năm 2016, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo, người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật,

đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

d) Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên được xác định trên cơ sở số đối tượng tham gia mua thẻ bảo hiểm y tế năm 2016, mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bệnh viện mang tính chất khu vực: Quyết định 59 quy định hỗ trợ 30% mức dự toán chi UBND cấp tỉnh đã giao cho bệnh viện để hỗ trợ khám chữa bệnh cho người dân của địa phương khác, tuy nhiên hiện nay người dân đến khám chữa bệnh đều phải đóng viện phí như người dân của địa phương vì vậy không quy định tiêu chí hỗ trợ đối với bệnh viện mang tính chất khu vực.

3.1.4 Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể gồm:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể dự kiến định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể như sau:

a) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị.	30.470	1,09	51.800	1,09	1,70
Đồng bằng.	27.960	1,0	47.500	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu.	41.370	1,48	70.300	1,48	1,70
Vùng cao-hải đảo.	50.320	1,8	85.500	1,80	1,70

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59, đồng thời tăng mức chi để thực hiện các nhiệm vụ:

- Đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố,...

- Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,48; vùng núi cao-hải đảo hệ số ưu tiên 1,8 so vùng đồng bằng để đảm bảo nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn rộng, mật độ dân số thấp (chế độ công tác phí, hội nghị phí, chi phí đi lại,...).

- Định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

+ Bổ sung ngân sách theo số đơn vị hành chính cấp huyện: huyện vùng cao - hải đảo 2.160 triệu đồng/huyện/năm, huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu 1.910 triệu đồng/huyện/năm, huyện còn lại 1.730 triệu đồng/huyện/năm (tăng 70% so Quyết định 59).

+ Bổ sung ngân sách theo số đơn vị hành chính cấp xã: xã vùng cao - hải đảo 940 triệu đồng/xã/năm, xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu 740 triệu đồng/xã/năm, xã còn lại: 530 triệu đồng/xã/năm (tăng 70% so Quyết định 59).

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị hành chính (mang tính đặc thù riêng) như: Sở Ngoại vụ, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Ban Dân tộc ở cấp tỉnh,... được bổ sung thêm theo mức 2.040 triệu đồng/đơn vị hành chính (tăng 70% so với Quyết định 59).

b) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành.

c) Trên cơ sở định mức nêu tại điểm a, nếu tỷ lệ chi hoạt động (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 20% so với tổng chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể sẽ được bổ sung tối thiểu 20%; đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa 80% (Quyết định 59 quy định chi hoạt động 30%, chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương 70%).

3.1.5 Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá-thông tin gồm:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi sự nghiệp văn hóa thông tin, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin như sau:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị	15.380	0,91	26.100	0,91	1,70
Đồng bằng	16.900	1,0	28.700	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	23.660	1,4	40.200	1,40	1,70
Vùng cao-hải đảo	32.940	1,95	55.900	1,95	1,70

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59: Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,4; vùng núi cao-hải đảo hệ số ưu tiên 1,95 so vùng đồng bằng để tăng chi thực hiện các chế độ về thông tin,

tuyên truyền đối với vùng đồng bào dân tộc theo các chế độ, chính sách đã ban hành; tăng chi do địa bàn rộng, đi lại khó khăn (chế độ công tác phí, chi phí phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền,...).

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội thông tin lưu động được phân bổ thêm kinh phí 510 triệu đồng/đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và 250 triệu đồng/đội thông tin lưu động (tăng 70% so Quyết định 59).

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có khu, điểm du lịch quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được hỗ trợ 3.000 triệu đồng/khu, điểm du lịch quốc gia (Quyết định 59 không quy định).

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di sản văn hoá thế giới, các di sản quốc gia quan trọng, được ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo chương trình mục tiêu (tương tự Quyết định 59).

3.1.6 Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị.	9.140	0,9	15.600	0,90	1,70
Đồng bằng.	10.160	1,0	17.300	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu.	14.220	1,4	24.200	1,40	1,70
Vùng cao-hải đảo.	19.770	1,95	33.700	1,95	1,70

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59: Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,4; vùng núi cao-hải đảo hệ số ưu tiên 1,95 so vùng đồng bằng do địa bàn rộng, đi lại khó khăn (chế độ công tác phí, chi phí phục vụ cho công tác phát thanh truyền hình ở miền núi, vùng cao khó khăn,...), kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc.

Đối với tỉnh có các huyện miền núi – vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình và các huyện vùng cao, hải đảo: Quyết định 59 quy định phân bổ 195 triệu đồng/huyện để có thêm kinh phí thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình đối với vùng khó khăn. Tuy nhiên theo Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 từ năm 2016 đến 2020 các địa phương sẽ chuyển đổi hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ số (khi đó không còn nhiệm vụ phát lại truyền hình), vì vậy không quy định tiêu chí bổ sung đối với các trạm phát lại.

3.1.7 Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao gồm:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao, dự kiến định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao theo dân số như sau:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ.bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị	10.770	1,34	18.300	1,34	1,70
Đồng bằng	8.060	1,0	13.700	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	11.280	1,4	19.200	1,40	1,70
Vùng cao-hải đảo	15.280	1,9	26.000	1,90	1,70

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59: Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,4; vùng núi cao-hải đảo hệ số ưu tiên 1,9 so vùng đồng bằng do địa bàn rộng, đi lại khó khăn (chế độ công tác phí, chi phí phục vụ cho công tác thể dục thể thao ở miền núi, vùng cao khó khăn,...), đồng thời tăng mức chi để thực hiện: chế độ đối với các vận động viên, khen thưởng đối với vận động viên có thành tích cao, thực hiện nhiệm vụ phát triển phong trào thể thao quần chúng.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật, được phân bổ thêm kinh phí tập huấn theo chế độ quy định với vận động viên (tương tự Quyết định 59).

3.1.8 Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội gồm:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị	17.910	0,92	30.400	0,92	1,70
Đồng bằng	19.470	1,0	33.100	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	27.260	1,4	46.300	1,40	1,70
Vùng cao-hải đảo	33.100	1,7	56.300	1,70	1,70

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định 59; Đối với khu vực miền núi hệ số ưu tiên 1,4; vùng núi cao-hải đảo hệ số ưu tiên 1,7 so vùng đô thị để tăng kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chế độ đảm bảo xã hội đối với người nghèo.

b) Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ được tính trên cơ sở quyết định giao dự toán năm 2016 của cấp có thẩm quyền.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần do ngân sách trung ương đảm bảo; ngân sách địa phương được ngân sách trung ương bổ sung thêm với mức 500.000 đồng/gia đình thuộc diện chính sách để thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết (tăng 108% so Quyết định 59).

- Bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

3.1.9 Định mức phân bổ chi quốc phòng gồm:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi quốc phòng, dự kiến định mức phân bổ chi quốc phòng theo dân số như sau:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59	Định mức phân bổ	Tốc độ tăng định
------	-------------	------------------	------------------

	năm 2011		năm 2017		mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị	18.380	1,0	31.200	1,00	1,70
Đồng bằng	18.380	1,0	31.200	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	21.140	1,15	35.900	1,15	1,70
Vùng cao-hải đảo	27.020	1,47	45.900	1,47	1,70

Định mức chi trên để thực hiện các nhiệm vụ: đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ,...

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Đối với các tỉnh có biên giới đất liền, có huyện, xã đảo được phân bổ thêm kinh phí với mức 540 triệu đồng/xã biên giới, hải đảo; 2.700 triệu đồng/huyện (đối với huyện đảo không có đơn vị hành chính xã) để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng đặc thù (tăng 80% so Quyết định 59); đối với các tỉnh tiếp giáp với 2 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,1 lần/xã biên giới (bằng Quyết định 59).

3.1.10 Định mức phân bổ chi an ninh gồm:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Để khắc phục những ý kiến về định mức chi an ninh, dự kiến định mức phân bổ chi an ninh theo dân số như sau:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức 59 năm 2011		Định mức phân bổ năm 2017		Tốc độ tăng định mức 2017 so định mức 2011 (%)
	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	Mức phân bổ	Hệ số so đ. bằng	
1	2	3	4	5	6=4/2
Đô thị	10.530	1,32	17.900	1,32	1,70
Đồng bằng	7.980	1,0	13.600	1,00	1,70
Miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	9.180	1,15	15.600	1,15	1,70
Vùng cao-hải đảo	11.730	1,47	20.000	1,47	1,70

Định mức chi trên để thực hiện các nhiệm vụ: đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật